



**TỔNG CÔNG TY ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ VIỆT NAM - CTCP**  
**CÔNG TY NHẬP KHẨU VÀ PHÂN PHỐI THAN ĐIỆN LỰC DẦU KHÍ**

## BẢN TIN THAN NGÀY

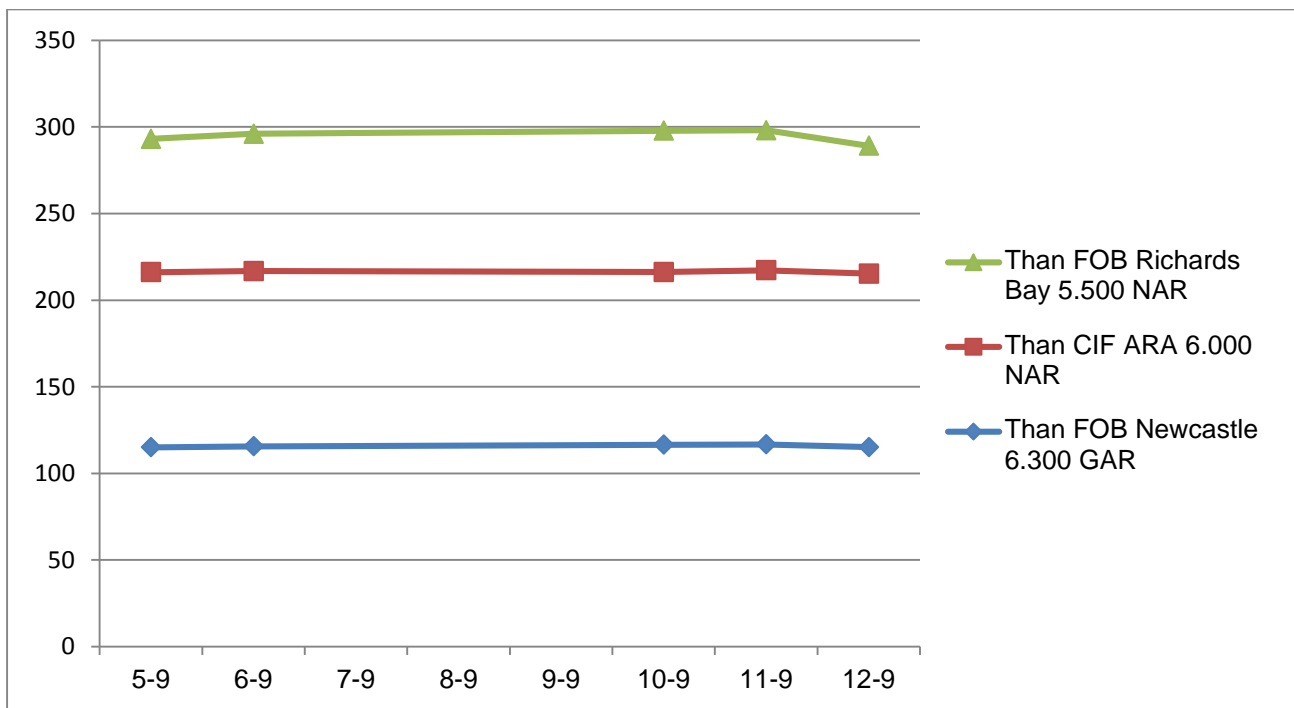
Ngày 14/09/2018

### CHỈ SỐ GIÁ THAN TRÊN THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI

Chỉ số giá than	Giao ngay	+/-	Hợp đồng tương lai kỳ hạn 90 ngày	+/-
FOB Newcastle 6.300 GAR	115,15	-1,55	N/A	N/A
CIF ARA 6.000 NAR	100,20	-0,35	N/A	N/A
FOB Richards Bay 5.500 NAR	80,65	-0,20	N/A	N/A
FOB Kalimantan 5.900 GAR	N/A	N/A	73,25	+0,00
FOB Kalimantan 5.000 GAR	N/A	N/A	52,75	+0,75

Giá tham chiếu than nhiệt Trung Quốc	USD/tấn	+/-	NDT/tấn	+/-
PCC6 (CFR South China 3.800 NAR)	47,00	+0,00	373,01	+0,14
PCC7 (CFR South China 4.700 NAR)	61,15	+0,90	485,31	+7,32
PCC8 (CFR South China 5.500 NAR)	76,00	-0,50	603,17	-3,74

### **GIÁ GIAO NGAY CÁC CHỈ SỐ THAN KHU VỰC NĂM 2018**



(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 12/09/2018)

## **DIỂM TIN**

### **Thủy điện suy giảm có thể thúc đẩy nhu cầu nhập khẩu than của Trung Quốc**

Sản lượng thủy điện tại Trung Quốc xuống thấp trong thời gian gần đây có thể dẫn đến nhu cầu nhập khẩu than Úc 5.500 kcal/kg NAR gia tăng. Giá than tại Trung Quốc mua than Úc 5.500 kcal/kg NAR đã xuống chỉ còn khoảng 60 USD/tấn FOB Newcastle cho các chuyến hàng giao tháng 10 chủ yếu do kiểm soát nhập khẩu ngặt nghèo, các quy định này được dự đoán sẽ khó được nới lỏng cho đến đầu năm sau.

Giá cước tàu Capesize từ Newcastle đến Nam Trung Quốc trong ngày thứ 4 (12/09) đã giảm xuống còn 11,20 USD/tấn, từ 12 - 13 USD/tấn một tuần trước. Hiện tại có một số chào hàng than Úc 5.500 kcal/kg NAR trên thị trường vận chuyển đường biển Trung Quốc, mặc dù các nguồn tin xác nhận phần lớn các chuyến hàng than này đã được chuyển hướng đến Ấn Độ, Thổ Nhĩ Kỳ và Châu Âu. Ngược lại, giá nội địa Trung Quốc leo thang ở mức 635-640 NDT/tấn FOB Qinhuangdao cho than 5.500 kcal/kg NAR, trong khi than 5.000 kcal/kg NAR được giao dịch quanh mức 550 NDT/tấn FOB. Trong khi đó một số khách hàng đang dự trữ than và không thể tiếp tục nhập khẩu, ngoài ra lượng than dự trữ trong các kho của các nhà máy điện hạ nguồn vẫn khá cao. Một hộ tiêu thụ than ở miền Nam Trung Quốc cho biết họ vẫn có than dự trữ để đáp ứng nhu cầu sử dụng trong 40 ngày vì lượng tiêu thụ hàng tháng vẫn thấp.

### **Indonesia đặt giá HBA tháng 9 ở mức 104,81 USD/tấn, tăng 14% so với năm ngoái**

Bộ Năng lượng và Tài nguyên Khoáng sản Indonesia đã ấn định giá than nhiệt tháng 9 tham chiếu, còn được gọi là Harga Batubara Acuan hoặc HBA, ở mức 104,81 USD/tấn, giảm 2,8% so với tháng 8 nhưng tăng 13,8% so với cùng kỳ năm 2017. Giá tháng 8 năm nay ở mức 107,83 USD/tấn, và tháng 9 năm 2017 ở mức 92,03 USD/tấn. HBA là giá than trung bình hàng tháng dựa trên 25% Platts Kalimantan 5.900 kcal/kg GAR, Argus-Indonesia Coal Index 1 (6.500 kcal/kg GAR), Newcastle Export Index (6.322 kcal/kg GAR) và globalCOAL Newcastle (6.000 kcal/kg NAR). Trong tháng 8, giá than Kalimantan 5.900 kcal/kg trung bình ngày ở mức 77,68 USD/tấn, giảm từ mức 82,96 USD/tấn trong tháng 7, trong khi giá than Úc 6.300 kcal/kg GAR trung bình 7-45 ngày ở mức 118,29 USD/tấn FOB Newcastle, so với 120,74 USD/tấn trong tháng trước. Giá HBA than nhiệt là cơ sở để xác định giá của 77 sản phẩm than của Indonesia và tính toán chi phí thuê mỏ các nhà sản xuất phải trả cho mỗi tấn than bán ra. HBA được dựa trên than 6.322 kcal/kg GAR với tổng độ ẩm 8%, độ tro 15% khi nhận được và lưu huỳnh 0,8% khi nhận được.

### **Lượng than tồn kho tại cảng Richards Bay bắt đầu giảm do nhu cầu mua than tăng**

Đầu tuần này, lượng than nhiệt dự trữ trong các kho của cảng Richards Bay, Nam Phi đạt 5,2 triệu tấn, giảm từ 5,5 triệu tấn vào đầu tháng do nhu cầu mua lẻ than Nam Phi bắt đầu tăng trở lại, theo số liệu của S&P Global Platts. Hầu hết khách hàng mua than đến từ Ấn Độ do giá than Nam Phi điều kiện FOB Richards Bay cạnh tranh hơn so với giá than Úc độ tro cao 5.500 kcal/kg, điều kiện FOB Newcastle. Chênh lệch giữa giá than Úc và than Nam Phi đến Ấn Độ hiện nay là khoảng 16 USD/tấn, so với 20 USD/tấn vào cuối tháng 7, theo dữ liệu của S&P Global Platts.

Lượng than dự trữ đã tăng lên 3,55 triệu tấn vào đầu tháng 7 do giá than Nam Phi cao kết hợp với mùa bão lụt tại Ấn Độ đã làm suy yếu nhu cầu mua than lẻ. Đối mặt với tình hình này, các công ty than Nam Phi đã tăng mức chiết khấu so với giá than tham chiếu 6.000 - cơ chế tính giá tất cả các loại than Nam Phi - để tăng doanh thu. Theo Platts, giá than Nam Phi 5.500 kcal/kg NAR điều kiện FOB Richards Bay đã giảm từ 90,4 USD/tấn vào ngày 9/7 xuống còn 73,8 USD/tấn vào ngày 4/9. Mức chênh lệch giữa giá than tham chiếu 6.000 kcal/kg NAR với than 5.500 kcal/kg NAR từ 9,2 USD/tấn vào đầu tháng 7 đã lên mức 16 USD/tấn vào thứ 3 (11/9). Một công ty than Nam Phi cho biết kể từ khi giá giảm họ đã nhận được nhiều đơn hàng hơn từ khách hàng Nam Á tìm cách mua than với giá cố định.

*(Nguồn: [www.platts.com](http://www.platts.com))*

## **CƯỚC VẬN TẢI ĐƯỜNG BIỂN QUỐC TẾ**

<b>Cỡ tàu</b>	<b>Điểm xuất phát</b>	<b>Điểm đến</b>	<b>Cước phí</b>	<b>Đơn vị: USD/tấn Thay đổi</b>
<b>Capesize</b> (150.000 tấn)	Úc	Trung Quốc	9,15	-0,05
	Queensland	Nhật Bản	10,45	-0,05
	New South Wales	Hàn Quốc	11,30	-0,05
<b>Panamax</b> (70.000 tấn)	Richards Bay	Tây Ấn Độ	14,20	+0,00
	Kalimantan	Tây Ấn Độ	10,15	+0,20
	Richards Bay	Đông Ấn Độ	14,40	+0,00
	Kalimantan	Đông Ấn Độ	8,55	+0,15
	Úc	Trung Quốc	13,60	+0,20
	Úc	Ấn Độ	15,35	+0,15

(Nguồn: Platts Coal Trader International – Số liệu ngày 12/09/2018)